



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2015



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	4104000006	ngày 30 tháng 6 năm 2000
<b>Đăng ký Kinh doanh số</b>	4104000006	ngày 13 tháng 9 năm 2005
	4104000006	ngày 30 tháng 5 năm 2006
	4104000006	ngày 13 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Giấy phép Thành lập và Hoạt động số</b>	06/GPHĐKD	ngày 29 tháng 6 năm 2000
	56/2001/UBCK-QLKD	ngày 21 tháng 9 năm 2001
	71/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	77/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 1 tháng 10 năm 2007
	105/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 14 tháng 1 năm 2008
	464/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 7 năm 2008
	271/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2009
	115/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 10 năm 2012
	18/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 8 năm 2014

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

<b>Hội đồng Thành viên</b>	Ông Adrew Colin Vallis	Chủ tịch
	Ông Lê Bá Dũng	Thành viên
	Ông Trần Trọng Kiên	Thành viên
	Ông Gopaldaswamy	Thành viên

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Trịnh Thanh Cần	Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 6 năm 2015)
	Ông Phạm Phú Khôi	Tổng Giám đốc (đến ngày 3 tháng 6 năm 2015)
	Bà Lê Thị Phương Dung	Phó Tổng Giám đốc

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Trụ sở đăng ký**

**Trụ sở chính**

41 Mạc Đĩnh Chi  
Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Chợ lớn**

747 Hồng Bàng  
Phường 6, Quận 6  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Lê Ngô Cát**

107N Trương Định  
Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội**

10 Phan Chu Trinh  
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội  
Việt Nam

**Chi nhánh Hải Phòng**

15 Hoàng Diệu  
Quận Hồng Bàng  
Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Chi nhánh Quảng Ninh**

747 - 749 Lê Thánh Tông  
Phường Bạch Đằng  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh  
Việt Nam

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Lầu 4, Tòa nhà 218 Bạch Đằng  
Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Chi nhánh Khánh Hòa**

80 Quang Trung  
Phường Lộc Thọ  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
Việt Nam

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Chi nhánh Vũng Tàu**

111 Hoàng Hoa Thám  
Phường 2  
Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
Việt Nam

**Chi nhánh Cần Thơ**

17 - 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Phường Tân An, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng Khoán ACB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc



*Trịnh Thanh Cần*

Ông Trịnh Thanh Cần  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi Hội đồng Thành viên  
Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến trang 58. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - *Công tác soát xét báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công tác kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, các quy định có liên quan của Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 14-01-289/5



Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Hưng

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2206-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

Mẫu B 01a - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
<b>(100 = 110 + 120 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.699.785.257.901</b>	<b>2.059.901.222.754</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>490.227.530.962</b>	<b>515.709.414.817</b>
Tiền	111		175.227.530.962	515.709.414.817
Các khoản tương đương tiền	112		315.000.000.000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>167.936.948.627</b>	<b>421.842.622.998</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		170.308.547.830	424.816.718.250
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.371.599.203)	(2.974.095.252)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.039.357.928.109</b>	<b>1.121.024.508.034</b>
Trả trước cho người bán	132		1.063.156.426	7.212.929.400
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.048.730.000	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	2.976.317.856	1.769.118.988
Các khoản phải thu khác	138	8	1.035.578.491.267	1.112.217.159.086
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(1.308.767.440)	(1.223.429.440)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.262.850.203</b>	<b>1.324.676.905</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.764.042.318	974.532.823
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		169.609.954	338.395.082
Tài sản ngắn hạn khác	158		329.197.931	11.749.000

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>265.205.296.057</b>	<b>209.151.716.050</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>59.118.587.468</b>	<b>53.376.747.653</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	50.186.723.542	52.939.929.223
Nguyên giá	222		86.447.618.430	86.447.618.430
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.260.894.888)	(33.507.689.207)
Tài sản cố định vô hình	227	11	332.725.096	436.818.430
Nguyên giá	228		3.123.445.796	3.123.445.796
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.790.720.700)	(2.686.627.366)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	8.599.138.830	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>181.994.515.860</b>	<b>135.909.083.124</b>
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		52.000.000.000	-
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		52.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		129.994.515.860	150.094.515.860
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(14.185.432.736)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.092.192.729</b>	<b>19.865.885.273</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.542.735.529	1.172.428.070
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	14	20.000.000.000	18.144.000.003
Tài sản dài hạn khác	268	15	549.457.200	549.457.200
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.964.990.553.958</b>	<b>2.269.052.938.804</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a - CTCK**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>31/12/2014 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>198.292.322.077</b>	<b>577.166.550.341</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>198.292.322.077</b>	<b>577.166.550.341</b>
Nợ ngắn hạn	311	16	13.000.000.000	228.000.000.000
Phải trả người bán	312		240.821.373	291.543.700
Người mua trả tiền trước	313		162.727.272	135.454.545
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	12.253.615.692	17.006.563.264
Phải trả người lao động	315		6.275.331.172	14.076.933.659
Chi phí phải trả	316	18	2.502.688.832	4.055.045.966
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	7.325.697.886	234.071.140.225
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	20	150.167.458.915	75.430.686.539
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		6.363.980.935	3.247.966.557
Doanh thu chưa thực hiện	328		-	851.215.886
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.766.698.231.881</b>	<b>1.691.886.388.463</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.766.698.231.881</b>	<b>1.691.886.388.463</b>
Vốn góp	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	417	21	85.318.244.624	85.318.244.624
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	106.568.143.839	106.568.143.839
Lợi nhuận chưa phân phối	420		74.811.843.418	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.964.990.553.958</b>	<b>2.269.052.938.804</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a - CTCK

	Mã số	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>			
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	820.500.940.000	567.500.940.000
6. Chứng khoán lưu ký	006	16.923.621.370.000	16.207.441.660.000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	12.985.242.660.000	12.518.442.820.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	20.117.940.000	40.109.880.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	12.740.122.350.000	12.207.385.290.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	225.002.370.000	270.947.650.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	66.727.000.000	59.750.850.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	63.602.000.000	56.625.850.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	3.125.000.000	3.125.000.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	3.599.625.100.000	3.342.680.020.000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	64.377.020.000	64.377.020.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	3.535.248.080.000	3.278.303.000.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	250.002.610.000	282.750.210.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	350.000.000	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	249.394.310.000	282.718.410.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	258.300.000	31.800.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	7.432.840.000	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	7.432.840.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

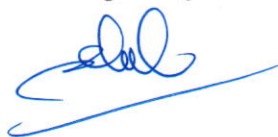
**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a - CTCK

	Mã số	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)</b>			
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	14.591.160.000	3.817.760.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	80.000	20.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	14.347.950.000	3.705.770.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	243.130.000	111.970.000
7. Chứng khoán lưu ký của các công ty đại chúng chưa niêm yết	050	170.751.230.000	159.009.110.000
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	170.729.230.000	159.007.110.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	6.079.290.000	6.080.270.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	163.690.060.000	152.005.800.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	959.880.000	921.040.000
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	22.000.000	2.000.000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	22.000.000	2.000.000
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	3.725.437.490.000	3.375.178.430.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	95.597.610.000	43.597.030.000

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Người lập:


Ông Nguyễn Phương Quang  
Kế toán viên

Người soát xét:


Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Ông Trịnh Thanh Cần  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

Mẫu B 02a - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng	Giai đoạn sáu tháng
			kết thúc ngày 30/6/2015 VND	kết thúc ngày 30/6/2014 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>141.584.939.423</b>	<b>176.950.434.458</b>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		47.329.180.721	70.945.471.793
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2	22	4.525.545.421	14.794.194.479
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	360.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.660.545.456	158.636.364
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		4.058.554.312	4.544.600.409
Doanh thu khác	01.9	23	84.011.113.513	86.147.531.413
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>12.125.238</b>	<b>103.114.579</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>141.572.814.185</b>	<b>176.847.319.879</b>
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>25.882.848.677</b>	<b>(30.972.017.703)</b>
<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>115.689.965.508</b>	<b>207.819.337.582</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	19.760.802.846	13.864.329.090
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>95.929.162.662</b>	<b>193.955.008.492</b>
Thu nhập khác	31	26	56.996.745	67.911.968
Chi phí khác	32	27	68.842.993	13.266.949
<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(11.846.248)</b>	<b>54.645.019</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>95.917.316.414</b>	<b>194.009.653.511</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>28</b>	<b>21.105.472.996</b>	<b>42.683.888.470</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>28</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>74.811.843.418</b>	<b>151.325.765.041</b>

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang  
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trịnh Thanh Cẩn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a - CTCK

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	95.917.316.414	194.009.653.511
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.859.572.975	2.048.761.978
Các khoản dự phòng	03	(14.702.590.785)	(230.550.296.511)
Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư	05	(87.899.981.196)	(99.294.817.431)
Chi phí lãi vay	06	2.604.916.573	23.899.999.999
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(1.220.766.019)</b>	<b>(109.886.698.454)</b>
Biến động chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn khác, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	328.477.542.680	180.603.633.925
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	75.916.501.392	(8.414.999.772)
Biến động các khoản chi phí trả trước	12	(3.159.816.954)	(226.934.505)
		<b>400.013.461.099</b>	<b>62.075.001.194</b>
Tiền lãi đã trả	13	(4.071.472.129)	(24.223.333.334)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(25.491.650.456)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(819.680.921)	(766.265.678)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>369.630.657.593</b>	<b>37.085.402.182</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(3.929.902.231)	(5.693.565.892)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	13.636.364	-
Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(52.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	23.376.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	86.365.721.059	141.562.067.652
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>53.825.455.192</b>	<b>135.868.501.760</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a - CTCK**

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	33	-	100.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc trái phiếu	34	(215.000.000.000)	(300.000.000.000)
Lợi nhuận đã chuyển về Ngân hàng mẹ	36	(233.937.996.640)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(448.937.996.640)</b>	<b>(200.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(25.481.883.855)</b>	<b>(27.046.096.058)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>515.709.414.817</b>	<b>171.699.203.874</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh số 4)</b>	<b>70</b>	<b>490.227.530.962</b>	<b>144.653.107.816</b>

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ CHỦ YẾU**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND
Mua lại các khoản đầu tư bằng cách cân trừ công nợ phải thu	-	66.323.329.885
Thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư	-	437.855.700.423

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Người lập:

Ông Nguyễn Phương Quang  
Kế toán viên

Người soát xét:

Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Trịnh Thanh Cần  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**


**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

Mẫu B 05a - CTCK

	<b>Vốn góp VND</b>	<b>Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	1.500.000.000.000	85.318.244.624	106.568.143.839	-	1.691.886.388.463
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	74.811.843.418	74.811.843.418
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	1.500.000.000.000	85.318.244.624	106.568.143.839	74.811.843.418	1.766.698.231.881
	<b>Vốn góp VND</b>	<b>Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	1.500.000.000.000	72.725.448.008	93.975.347.223	12.829.960.118	1.679.530.755.349
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	151.325.765.041	151.325.765.041
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	1.500.000.000.000	72.725.448.008	93.975.347.223	164.155.725.159	1.830.856.520.390

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang  
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trịnh Thanh Cần  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

## **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09a - CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động tự doanh chứng khoán, môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.

Công ty là công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (“Ngân hàng mẹ”), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có một công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB (“ACBC”) được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Công ty và công ty con được gọi chung là Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có 242 nhân viên (31/12/2014: 255 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, các quy định có liên quan của Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

##### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(e) Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho hướng dẫn trước đó về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn lựa chọn tiếp tục áp dụng các quy định có liên quan của Quyết định 15 để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo hướng dẫn của Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành. Thông tư 200 và Thông tư 202 sẽ được áp dụng cho báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại các ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

- các khoản mà Tập đoàn dự định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại vào nhóm tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chi nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Tập đoàn.

**(e) Chứng khoán đầu tư**

**(i) Chứng khoán thương mại**

*Phân loại*

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

*Ghi nhận*

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán thương mại vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

*Đo lường*

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của thị trường UPCOM tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của các giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày lập báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

*Chấm dứt ghi nhận*

Chứng khoán thương mại được chấm dứt ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

**(ii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn**

*Phân loại*

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

*Ghi nhận*

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

*Đo lường*

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày mua. Sau đó các chứng khoán này được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

*Chấm dứt ghi nhận*

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

**(iii) Chứng khoán sẵn sàng để bán**

*Phân loại*

Chứng khoán sẵn sàng để bán là những chứng khoán vốn và chứng khoán nợ được mua và nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

*Ghi nhận*

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán sẵn sàng để bán vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

*Do lường*

Chứng khoán sẵn sàng để bán đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của thị trường UPCOM tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của các giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày lập báo cáo.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày mua. Sau đó các chứng khoán này được phản ánh theo giá gốc.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó, trường hợp chứng khoán đó được bán trước ngày đáo hạn thì giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu chưa phân bổ được ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày bán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

*Chấm dứt ghi nhận*

Chứng khoán sẵn sàng để bán được chấm dứt ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

**(f) Góp vốn, đầu tư dài hạn**

***Đầu tư dài hạn khác***

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của các công ty mà Tập đoàn không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư này phải có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá trên báo cáo tài chính hợp nhất (xem Thuyết minh 3(g)).

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**(g) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn**

Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc trừ đi số dự phòng giảm giá được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, dự phòng giảm giá được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ trong kế hoạch, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư dài hạn tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư dài hạn này khi chưa lập dự phòng.

**(h) Các khoản phải thu**

Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động giao dịch chứng khoán, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư 228 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định thêm dự phòng (nếu cần thiết) ngoài khoản dự phòng đã được trích lập dựa trên tình trạng nợ quá hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này và các tài sản đảm bảo có liên quan.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(i) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ máy móc thiết bị	3 - 5 năm
▪ phương tiện vận tải	6 năm
▪ thiết bị quản lý	3 năm
▪ tài sản cố định khác	3 - 6 năm

---

**(iii) Thanh lý**

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thuần nhận được do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập khác hoặc chi phí khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(j) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(k) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí phần mềm kinh doanh chứng khoán chưa được hoàn thành hay chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**(l) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn**

Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 35 năm.

**(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Các quỹ dự trữ bắt buộc**

**(i) Công ty**

Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là dùng để bổ sung vốn góp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Việc sử dụng quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được thực hiện theo Điều 15 của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành (“Thông tư 146”).

**(ii) Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB (“ACBC”)**

Trước năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, theo chính sách của Công ty, quỹ dự phòng tài chính của ACBC được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ hiện có của công ty này và được sử dụng để bù lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh

Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, theo Thông tư 146, Công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	<b>Trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là dùng để bổ sung vốn góp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Việc sử dụng quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được thực hiện theo Điều 15 của Thông tư 146.

**(q) Doanh thu**

**(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán**

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

**(iii) Doanh thu hoạt động tư vấn**

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với mức độ hoàn tất giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Mức độ hoàn tất của giao dịch được ước tính dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện.

**(iv) Doanh thu khác**

Doanh thu khác chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại ngân hàng, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Doanh thu khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

**(v) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được thiết lập.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập. Tập đoàn chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

**(r) Hợp đồng hợp tác đầu tư**

Tập đoàn chuyển tiền cho đơn vị hợp tác đầu tư và đơn vị hợp tác đầu tư dùng số tiền này để thay mặt cho Tập đoàn đầu tư vào chứng khoán niêm yết theo các điều kiện của hợp đồng hợp tác đầu tư. Các tài sản và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng này được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chính sách kế toán về cách ghi nhận và phân loại áp dụng cho các tài sản và nghĩa vụ tương ứng của Tập đoàn.

Các khoản lãi/lỗ do việc bán các chứng khoán niêm yết từ các hợp đồng hợp tác đầu tư này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Dự phòng giảm giá chứng khoán từ hợp đồng hợp tác đầu tư này được xác định theo phương pháp dùng để xác định dự phòng giảm giá đầu tư như đã đề cập ở các Thuyết minh 3(e) và 3(g).

**(s) Chi phí lãi**

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**(t) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các công ty, bao gồm cả các thành viên gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là một bên liên quan.

Các công ty liên quan của Tập đoàn là Ngân hàng mẹ, các công ty con và các công ty liên kết của Ngân hàng mẹ này.

**(v) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất thì được hiểu là có số dư bằng không.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>
Tiền mặt tại quỹ	8.510.975	16.703.453
Tiền gửi ngân hàng	175.219.019.987	515.692.711.364
Các khoản tương đương tiền	315.000.000.000	-
<i>Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>150.164.272.915</i>	<i>73.747.306.539</i>
	<hr/>	<hr/>
	490.227.530.962	515.709.414.817

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn không có các khoản tương đương tiền khác VND.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</b>		<b>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ</b>	
	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
<b>a) Của Tập đoàn</b>				
Cổ phiếu	917.278	25.769.717	13.629.160.568	462.117.917.803
Trái phiếu	520	-	52.000.000.000	-
Chứng chỉ quỹ	2.000.000	-	23.376.000.000	-
<b>b) Của nhà đầu tư/khách hàng</b>				
Cổ phiếu	1.681.886.950	2.559.441.068	24.715.271.602.120	36.676.133.059.810
Trái phiếu	61.176.000	73.428.306	6.419.874.196.000	7.752.861.260.338
Chứng chỉ quỹ	30.450	229.620	283.837.000	2.154.169.000
	<b>1.746.011.198</b>	<b>2.658.868.711</b>	<b>31.224.434.795.688</b>	<b>44.893.266.406.951</b>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - CTCK

6. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết chứng khoán thương mại được nắm giữ bởi Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán VND	So với giá thị trường Tăng VND	(Giảm) VND	Giá trị theo giá thị trường VND
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>6.370.702</b>	<b>170.308.547.830</b>	<b>53.853.184</b>	<b>(2.371.599.203)</b>	
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>10.941</i>	<i>170.480.333</i>	<i>53.028.784</i>	<i>(41.892.017)</i>	<i>181.617.100</i>
SSI	576	13.708.800	288.000	-	13.996.800
VCB	6	281.856	10.944	-	292.800
Khác	10.359	156.489.677	52.729.840	(41.892.017)	167.327.500
<i>Chứng chỉ quỹ niêm yết</i>	<i>2.000.000</i>	<i>20.040.000.000</i>	<i>-</i>	<i>(640.000.000)</i>	<i>19.400.000.000</i>
E1VFN30	2.000.000	20.040.000.000	-	(640.000.000)	19.400.000.000
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>4.359.761</i>	<i>72.351.165.217</i>	<i>824.400</i>	<i>(1.689.707.186)</i>	
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	44.000	2.400.000.000	-	(1.678.400.000)	721.600.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	4.314.465	69.932.182.531	-	-	chưa xác định được
Khác	1.296	18.982.686	824.400	(11.307.186)	8.499.900
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (a)</i>	<i>không áp dụng</i>	<i>77.746.902.280</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>77.746.902.280</i>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Số lượng cổ phiếu/ trái phiếu	Giá trị theo sổ kế toán VND	So với giá thị trường Tăng VND	(Giảm) VND	Giá trị theo giá thị trường VND
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>6.370.064</b>	<b>424.816.718.250</b>	<b>54.919.892</b>	<b>(2.974.095.252)</b>	
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>10.361</i>	<i>157.054.150</i>	<i>54.106.992</i>	<i>(43.924.542)</i>	<i>167.236.600</i>
VCB	6	165.852	25.548	-	191.400
Khác	10.355	156.888.298	54.081.444	(43.924.542)	167.045.200
<i>Chứng chỉ quỹ niêm yết</i>	<i>2.000.000</i>	<i>20.040.000.000</i>	<i>-</i>	<i>(1.240.000.000)</i>	<i>18.800.000.000</i>
E1VFN30	2.000.000	20.040.000.000	-	(1.240.000.000)	18.800.000.000
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>4.359.703</i>	<i>72.351.061.322</i>	<i>812.900</i>	<i>(1.690.170.710)</i>	
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	44.000	2.400.000.000	-	(1.678.400.000)	721.600.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	4.314.465	69.932.182.531	-	-	chưa xác định được
Khác	1.238	18.878.791	812.900	(11.770.710)	7.920.981
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (a)</i>	<i>không áp dụng</i>	<i>332.268.602.778</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>332.268.602.778</i>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

Chi tiết chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư góp vốn và đầu tư tài chính khác được nắm giữ bởi Tập đoàn tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Dự phòng giảm giá	
	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>520</b>	<b>-</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>520</b>	<b>-</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>	<i>520</i>	<i>-</i>	<i>52.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Khải Toàn	520	-	52.000.000.000	-	-	-
<b>III. Đầu tư tài chính khác</b>	<b>9.282.057</b>	<b>11.282.057</b>	<b>129.994.515.860</b>	<b>150.094.515.860</b>	<b>-</b>	<b>(14.185.432.736)</b>
<i>Cổ phiếu niêm yết (b)</i>	<i>8.674.557</i>	<i>10.674.557</i>	<i>123.910.403.360</i>	<i>144.010.403.360</i>	<i>-</i>	<i>(14.185.432.736)</i>
BTS	8.674.557	8.674.557	123.910.403.360	123.910.403.360	-	(14.185.432.736)
ASIAGF	-	2.000.000	-	20.100.000.000	-	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>607.500</i>	<i>607.500</i>	<i>6.084.112.500</i>	<i>6.084.112.500</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà	607.500	607.500	6.084.112.500	6.084.112.500	-	-



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

- (a) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tiền gửi ngân hàng hưởng lãi suất năm từ 4,20% đến 4,90% (31/12/2014: 4,80% đến 4,90%).
- (b) Bao gồm trong cổ phiếu niêm yết thuộc đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 22.354 triệu VND (31/12/2014: 22.354 triệu VND) cổ phiếu được Tập đoàn mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu (“ACI”), Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Dịch vụ Bình Chánh (“Bình Chánh”). Công ty hưởng toàn bộ lợi ích và gánh chịu rủi ro phát sinh từ số cổ phiếu này nhưng số cổ phiếu này được đăng ký quyền sở hữu dưới tên của hai công ty được đề cập ở trên.

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng	
	kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	2.974.095.252	227.478.676.464
Trích lập dự phòng trong kỳ/năm	495.618.234	1.257.701.073
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(1.098.114.283)	(225.762.282.285)
Số dư cuối kỳ/năm	2.371.599.203	2.974.095.252

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng	
	kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	14.185.432.736	15.927.129.892
Trích lập dự phòng trong kỳ/năm	-	1.614.632.723
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(14.185.432.736)	(3.356.329.879)
Số dư cuối kỳ/năm	-	14.185.432.736

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**7. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<b>30/6/2015</b> VND	<b>31/12/2014</b> VND
Phí giao dịch chứng khoán phải thu khách hàng	2.881.817.856	1.769.118.988
Phải thu từ Sở Giao dịch Chứng khoán	94.500.000	-
	<hr/> 2.976.317.856	<hr/> 1.769.118.988

**8. Các khoản phải thu khác**

	<b>30/6/2015</b> VND	<b>31/12/2014</b> VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (i)	1.016.737.251.418	1.099.479.449.117
Phải thu đặt cọc đầu giá	8.832.400.000	-
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư	23.780	23.780
Phải thu cổ tức	171.800	202.200
Lãi dự thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	6.633.519.491	9.958.926.359
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	1.002.958.498	641.473.825
Phải thu lãi trái phiếu	212.333.332	-
Các khoản phải thu khác	2.159.832.948	2.137.083.805
	<hr/> 1.035.578.491.267	<hr/> 1.112.217.159.086

- (i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ. Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,026% đến 0,041% trong kỳ. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì cho các giao dịch ký quỹ lần lượt là 50% và 30%.

**9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng</b> <b>kết thúc ngày</b> <b>30/6/2015</b> VND	<b>Năm kết thúc ngày</b> <b>31/12/2014</b> VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.223.429.440	7.618.282.970
Trích lập dự phòng trong kỳ/năm	85.338.000	2.359.956.590
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	-	(8.754.810.120)
	<hr/> 1.308.767.440	<hr/> 1.223.429.440

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**10. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tài sản cố định khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	62.445.734.395	7.014.320.204	3.009.178.509	11.552.731.119	2.425.654.203	86.447.618.430
Tăng trong kỳ	-	-	-	42.350.000	-	42.350.000
Thanh lý	-	-	-	(42.350.000)	-	(42.350.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>62.445.734.395</b>	<b>7.014.320.204</b>	<b>3.009.178.509</b>	<b>11.552.731.119</b>	<b>2.425.654.203</b>	<b>86.447.618.430</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	16.262.693.201	6.980.871.074	3.009.178.509	5.608.048.605	1.646.897.818	33.507.689.207
Khấu hao trong kỳ	1.249.340.202	33.449.130	-	1.319.499.341	153.190.968	2.755.479.641
Thanh lý	-	-	-	(2.273.960)	-	(2.273.960)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>17.512.033.403</b>	<b>7.014.320.204</b>	<b>3.009.178.509</b>	<b>6.925.273.986</b>	<b>1.800.088.786</b>	<b>36.260.894.888</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	46.183.041.194	33.449.130	-	5.944.682.514	778.756.385	52.939.929.223
Số dư cuối kỳ	44.933.700.992	-	-	4.627.457.133	625.565.417	50.186.723.542

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**10. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

<b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tài sản cố định khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	7.801.304.660	3.572.228.509	4.615.213.021	2.878.416.203	81.312.896.788
Tăng trong năm	-	-	-	6.995.066.086	192.236.000	7.187.302.086
Thanh lý	-	(786.984.456)	(563.050.000)	(57.547.988)	(644.998.000)	(2.052.580.444)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	7.014.320.204	3.009.178.509	11.552.731.119	2.425.654.203	86.447.618.430
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	13.764.012.797	7.700.632.010	3.486.671.066	3.907.775.328	2.012.433.113	30.871.524.314
Khấu hao trong năm	2.498.680.404	67.223.520	85.557.443	1.752.119.211	279.462.705	4.683.043.283
Thanh lý	-	(786.984.456)	(563.050.000)	(51.845.934)	(644.998.000)	(2.046.878.390)
Số dư cuối năm	16.262.693.201	6.980.871.074	3.009.178.509	5.608.048.605	1.646.897.818	33.507.689.207
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	48.681.721.598	100.672.650	85.557.443	707.437.693	865.983.090	50.441.372.474
Số dư cuối năm	46.183.041.194	33.449.130	-	5.944.682.514	778.756.385	52.939.929.223

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 14.207.615.909 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (31/12/2014: 13.821.068.185 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ/năm	3.123.445.796	2.537.629.746
Tăng trong kỳ/năm	-	624.560.000
Xóa sổ	-	(38.743.950)
Số dư cuối kỳ/năm	3.123.445.796	3.123.445.796
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ/năm	2.686.627.366	2.532.854.757
Khấu hao trong kỳ/năm	104.093.334	192.516.559
Xóa sổ	-	(38.743.950)
Số dư cuối kỳ/năm	2.790.720.700	2.686.627.366
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ/năm	436.818.430	4.774.989
Số dư cuối kỳ/năm	332.725.096	436.818.430

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 2.498.885.796 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (31/12/2014: 2.498.885.796 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	-	-
Tăng trong kỳ/năm	8.599.138.830	-
Số dư cuối kỳ/năm	8.599.138.830	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chính như sau:		
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Phần mềm kinh doanh chứng khoán	8.599.138.830	-

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Công cụ và dụng cụ VND	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	294.252.054	742.948.737	135.227.279	1.172.428.070
Tăng trong kỳ	7.955.000	-	2.880.004.833	2.887.959.833
Phân bổ trong kỳ	(145.748.486)	(13.266.948)	(358.636.940)	(517.652.374)
Số dư cuối kỳ	156.458.568	729.681.789	2.656.595.172	3.542.735.529
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Công cụ và dụng cụ VND	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	769.726.584	769.482.685	533.572.003	2.072.781.272
Tăng trong năm	309.149.331	-	162.868.644	472.017.975
Phân bổ trong năm	(784.623.861)	(26.533.948)	(561.213.368)	(1.372.371.177)
Số dư cuối năm	294.252.054	742.948.737	135.227.279	1.172.428.070

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	18.144.000.003

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán được thanh toán qua Thành viên lưu ký của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của Công ty vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong kỳ/năm như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng</b> <b>kết thúc ngày</b> <b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày</b> <b>31/12/2014</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	18.144.000.003	15.644.000.003
Tiền nộp bổ sung trong kỳ/năm	819.680.921	766.265.678
Tiền lãi trong kỳ/năm	1.036.319.076	1.733.734.322
Số dư cuối kỳ/năm	20.000.000.000	18.144.000.003

**15. Tài sản dài hạn khác**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>
Tiền ký quỹ thuê văn phòng	549.457.200	549.457.200

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**16. Nợ ngắn hạn**

**Trái phiếu ngắn hạn phát hành cho:**

	Lãi suất năm %	Ngày đáo hạn	Số dư tại ngày 1/1/2015 VND	Số tăng trong kỳ VND	(Số trả trong kỳ) VND	Số dư tại ngày 30/6/2015 VND
▪ Triệu Thị Tâm	8,50%	29/12/2015	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-
▪ Nguyễn Thị Thu Hương	9,00%	29/12/2015	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
▪ Huỳnh Văn Sơn	9,00%	29/12/2015	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
▪ Dịp Văn Minh	9,00%	29/12/2015	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
▪ Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	9,00%	29/12/2015	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
▪ Nguyễn Thái Thảo Ly	8,50%	29/12/2015	30.000.000.000	-	(30.000.000.000)	-
▪ Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Minh Phương	8,50%	29/12/2015	30.000.000.000	-	(30.000.000.000)	-
▪ Trần Thị Tuyết Vân	9,00%	29/12/2015	8.000.000.000	-	(4.000.000.000)	4.000.000.000

**Vay ngắn hạn từ:**

▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (*)	9,00%	18/05/2015	150.000.000.000	-	(150.000.000.000)	-
--	-------	------------	-----------------	---	-------------------	---

228.000.000.000 - (215.000.000.000) 13.000.000.000



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - CTCK****17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	509.037.401	491.883.997
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	2.368.652.599	2.551.346.580
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.198.535.739	13.584.713.199
Các loại thuế khác	177.389.953	378.619.488
	<hr/>	<hr/>
	12.253.615.692	17.006.563.264

**18. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi trái phiếu phải trả	3.250.000	37.305.556
Lãi vay ngân hàng phải trả	-	1.432.500.000
Phí giao dịch phải trả Trung tâm Lưu ký, Sở Giao dịch Chứng khoán	2.473.438.832	2.567.240.410
Chi phí khác	26.000.000	18.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.502.688.832	4.055.045.966

**19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận phải chuyển về Ngân hàng mẹ - bên liên quan	-	233.937.996.640
Phải trả khác cho Ngân hàng mẹ - bên liên quan	924.152.931	-
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp phải trả	14.808.625	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.386.736.330	133.143.585
	<hr/>	<hr/>
	7.325.697.886	234.071.140.225

**20. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	150.167.458.915	75.430.686.539
	<hr/>	<hr/>

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư chủ yếu phản ánh khoản tiền gửi của nhà đầu tư phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

## 21. Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty và công ty con phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	<b>Trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

Theo quy định, Công ty và công ty con phải trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn góp và quỹ dự phòng tài chính hàng năm. Công ty và công ty con chỉ trích lập các quỹ trên vào cuối năm tài chính. Do đó, Công ty và công ty con không trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc nêu trên cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

## 22. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>
Lợi nhuận từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn	99.930.223	-
Lợi nhuận từ thanh lý chứng khoán đầu tư tài chính dài hạn	3.276.000.000	-
Thu nhập cổ tức	12.115.200	5.305.592
Thu nhập trái tức	1.137.499.998	14.788.888.887
	<b>4.525.545.421</b>	<b>14.794.194.479</b>

## 23. Doanh thu khác

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>
Doanh thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	71.866.791.074	70.535.407.750
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	9.539.472.269	10.995.012.672
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.094.542.331	2.970.202.530
Hoa hồng ứng tiền ngày T	1.397.941	2.029.016
Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng	-	321.000.000
Doanh thu khác	508.909.898	1.323.879.445
	<b>84.011.113.513</b>	<b>86.147.531.413</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**24. Chi phí hoạt động kinh doanh**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>
Chi phí môi giới chứng khoán	7.889.044.019	11.767.792.527
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	352.075.208	126.514.344.220
Chi phí lưu ký chứng khoán	4.597.489.611	6.015.390.513
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(14.787.928.785)	(224.138.517.565)
Chi phí lãi vay	2.604.916.573	23.899.999.999
Chi phí nhân viên trực tiếp	15.876.379.020	16.807.761.339
Khấu hao tài sản cố định	1.889.158.617	620.188.645
Chi phí hoa hồng	1.170.530.330	789.492.882
Chi phí thuê văn phòng	1.642.875.926	2.139.715.304
Chi phí khác	4.648.308.158	4.611.814.433
	<hr/>	<hr/>
	25.882.848.677	(30.972.017.703)

**25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>
Khấu hao tài sản cố định	970.414.358	1.428.573.333
Chi phí nhân viên	11.728.878.703	12.334.272.125
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	85.338.000	(6.411.778.946)
Chi phí công cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	366.522.632	461.763.909
Thuế, phí, lệ phí	38.007.000	34.881.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.104.222.752	1.619.899.599
Thuế GTGT không được khấu trừ	1.172.056.670	555.153.537
Chi phí thuê văn phòng	637.975.391	209.395.836
Chi phí khác	3.657.387.340	3.632.168.697
	<hr/>	<hr/>
	19.760.802.846	13.864.329.090

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**26. Thu nhập khác**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	13.636.364	-
Thu nhập khác	43.360.381	67.911.968
	<hr/>	<hr/>
	56.996.745	67.911.968

**27. Chi phí khác**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý	40.076.040	-
Chi phí khác	28.766.953	13.266.949
	<hr/>	<hr/>
	68.842.993	13.266.949

**28. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.105.472.996	42.683.888.470
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
	<hr/>	<hr/>
	21.105.472.996	42.683.888.470

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	95.917.316.414	194.009.653.511
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	21.101.809.610	42.682.123.772
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(2.665.344)	(1.154.030)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	6.328.730	2.918.728
	<b>21.105.472.996</b>	<b>42.683.888.470</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Công ty và công ty con chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015 và mức này sẽ được giảm xuống 20% từ năm 2016. Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

## 29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bảng sau đây thể hiện các giao dịch chủ yếu trong kỳ và các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Ngân hàng mẹ</b>		
Doanh thu hoạt động môi giới	900.900	393.508.674
Doanh thu nghiệp vụ ứng tiền ngày T	1.397.941	2.029.016
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.108.931.450	7.620.341.439
Thu nhập khác	-	321.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	107.397.763
Phí khác trả cho Ngân hàng mẹ	71.660.145	54.912.315
Lợi nhuận đã chuyển về Ngân hàng mẹ	233.937.996.640	-
Chi phí điện nước phải trả	157.726.003	-
<b>Công ty Cổ phần Địa ốc ACB – Công ty liên quan</b>		
Mua lại các khoản đầu tư	-	66.323.329.885
Chi phí lãi vay	-	14.524.999.999
Doanh thu từ quản lý tài sản	-	60.000.000
Chi phí khác	-	568.328.374
<b>Các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.528.598.000	3.540.276.000
<hr/>		
	Số dư tại ngày	
	30/6/2015	31/12/2014
	Phải thu/(Phải trả)	
	VND	VND
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Ngân hàng mẹ</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn	476.244.131.323	363.227.041.952
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	77.746.902.280	332.268.602.778
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	1.002.958.498	641.473.825
Lợi nhuận phải chuyển về Ngân hàng mẹ	-	(233.937.996.640)
<hr/>		

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**30. Biến động các khoản phải thu**

Khoản mục	Số dư đầu kỳ		Số khó đòi VND	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ		Số khó đòi VND	Số dự phòng cuối kỳ VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND		Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND		
1. Phải thu khách hàng	-	-	-	13.393.758	(13.393.758)	-	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	7.212.929.400	-	-	5.871.826.766	(12.021.599.740)	1.063.156.426	-	-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.048.730.000	-	-	869.000	(869.000)	1.048.730.000	-	-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.769.118.988	2.354.080	2.354.080	5.709.803.493.702	(5.708.596.294.834)	2.976.317.856	2.354.080	2.354.080	1.540.540
5. Các khoản phải thu khác	1.112.217.159.086	4.600.219.813	1.232.238.900	5.117.267.900.510	(5.193.906.568.329)	1.035.578.491.267	9.226.002.646	1.494.698.900	1.307.226.900
	<b>1.122.247.937.474</b>	<b>4.602.573.893</b>	<b>1.234.592.980</b>	<b>10.832.957.483.736</b>	<b>(10.914.538.725.661)</b>	<b>1.040.666.695.549</b>	<b>9.228.356.726</b>	<b>1.497.052.980</b>	<b>1.308.767.440</b>

### **31. Các công cụ tài chính**

#### **(a) Quản lý rủi ro tài chính**

##### **(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

##### **(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

#### **(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Tập đoàn ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - CTCK**

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Tập đoàn.

**Tài sản đảm bảo**

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Tập đoàn ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán và tiền gửi của khách hàng tại Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng nợ phải thu khó đòi.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn tại ngày báo cáo như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	490.219.019.987	515.692.711.364
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (i)	77.746.902.280	332.268.602.778
Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.048.730.000	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (ii)	2.976.317.856	1.769.118.988
Các khoản phải thu khác (ii)	1.035.578.491.267	1.112.217.159.086
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn (iii)	52.000.000.000	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	18.144.000.003
Tài sản tài chính khác	878.655.131	561.206.200
	<hr/>	<hr/>
	1.680.448.116.521	1.981.701.528.419

**(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng**

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng mẹ. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(ii) Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng cho các khoản phải thu.

Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

**(iii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tập đoàn giới hạn ảnh hưởng của rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu đầu tư trái phiếu doanh nghiệp có rủi ro tín dụng thấp theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc. Với mức độ rủi ro tín dụng nói trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng sẽ không có đối tác nào mất khả năng thực hiện nghĩa vụ.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

Bảng phân tích tài sản tài chính có đảm bảo và không đảm bảo chưa quá hạn hay chưa bị tổn thất như sau:

<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	<b>Đảm bảo VND</b>	<b>Không đảm bảo VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	490.219.019.987	490.219.019.987
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	77.746.902.280	77.746.902.280
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	1.048.730.000	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	2.973.963.776	2.973.963.776
Các khoản phải thu khác	1.015.639.467.163	10.713.021.458	1.026.352.488.621
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	52.000.000.000	-	52.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	878.655.131	878.655.131
	<b>1.067.639.467.163</b>	<b>603.580.292.632</b>	<b>1.671.219.759.795</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>Đảm bảo VND</b>	<b>Không đảm bảo VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	515.692.711.364	515.692.711.364
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	332.268.602.778	332.268.602.778
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	1.048.730.000	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	1.766.764.908	1.766.764.908
Các khoản phải thu khác	1.106.070.585.963	1.546.353.310	1.107.616.939.273
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	18.144.000.003	18.144.000.003
Tài sản tài chính khác	-	561.206.200	561.206.200
	<b>1.106.070.585.963</b>	<b>871.028.368.563</b>	<b>1.977.098.954.526</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa tổn thất như sau:

	<b>Các khoản phải thu khác</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quá hạn dưới 6 tháng	7.731.303.746	3.367.980.913

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>		<b>Phải thu hoạt</b>	<b>Các khoản</b>
	<b>động giao dịch</b>	<b>chứng khoán</b>	<b>phải thu khác</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	262.460.000
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.627.080	-	-
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	12.500.000
Quá hạn từ 3 năm trở lên	727.000	-	1.219.738.900
	2.354.080	-	1.494.698.900

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>		<b>Phải thu hoạt</b>	<b>Các khoản</b>
	<b>động giao dịch</b>	<b>chứng khoán</b>	<b>phải thu khác</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.627.080	-	-
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	727.000	-	1.197.238.900
Quá hạn từ 3 năm trở lên	-	-	35.000.000
	2.354.080	-	1.232.238.900

Bảng bên dưới trình bày giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính đã quá hạn và bị tổn thất:

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chứng khoán niêm yết trên		
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh</i>	49.672.715.502	13.548.818.533
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội</i>	20.114.293.018	-
	69.787.008.520	13.548.818.533

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ được trình bày trong Thuyết minh 9.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Tập đoàn luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách phát hành trái phiếu và đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Nợ ngắn hạn	13.000.000.000	13.591.500.000	13.591.500.000
Phải trả người bán	240.821.373	240.821.373	240.821.373
Chi phí phải trả	2.502.688.832	2.502.688.832	2.502.688.832
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.325.697.886	7.325.697.886	7.325.697.886
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	150.167.458.915	150.167.458.915	150.167.458.915
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	6.363.980.935	6.363.980.935	6.363.980.935
	179.600.647.941	180.192.147.941	180.192.147.941

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Nợ ngắn hạn	228.000.000.000	239.945.958.333	239.945.958.333
Phải trả người bán	291.543.700	291.543.700	291.543.700
Chi phí phải trả	4.055.045.966	4.055.045.966	4.055.045.966
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	234.071.140.225	234.071.140.225	234.071.140.225
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	75.430.686.539	75.430.686.539	75.430.686.539
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.247.966.557	3.247.966.557	3.247.966.557
	545.096.382.987	557.042.341.320	557.042.341.320

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014, rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn là không đáng kể do Tập đoàn không có các trạng thái tiền tệ trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày lập báo cáo, bảng tóm tắt lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	490.219.019.987	515.692.711.364
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	77.746.902.280	332.268.602.778
Phải thu khác	1.016.737.251.418	1.099.479.449.117
Nợ ngắn hạn	(13.000.000.000)	(228.000.000.000)
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</b>		
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	52.000.000.000	-

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế trong kỳ của Tập đoàn 405.600.000 VND (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: không). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(iii) *Rủi ro về giá chứng khoán vốn***

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Tập đoàn.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tập đoàn quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết và chứng chỉ quỹ niêm yết thuộc chứng khoán thương mại của Tập đoàn là 19.581.617.100 VND (31/12/2014: 18.967.236.600 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 8% tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (31/12/2014: 17%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong kỳ của Tập đoàn sẽ giảm 1.482.930.657 VND hoặc tăng 643.054.639 VND tương ứng (năm kết thúc ngày 31/12/2014: giảm 1.086.853.486 VND hoặc tăng 2.820.338.740 VND tương ứng).

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</b>				
▪ Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại niêm yết	19.528.588.316	19.581.617.100	18.913.129.608	18.967.236.600
▪ Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại chưa niêm yết				
- Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	721.600.000	721.600.000	721.600.000	721.600.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á	69.932.182.531	(*)	69.932.182.531	(*)
- Khác	7.675.500	8.499.900	7.108.081	7.920.981
<b>Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</b>				
▪ Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	52.000.000.000	(*)	-	-
<b>Các khoản cho vay và phải thu:</b>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	490.219.019.987	490.219.019.987	515.692.711.364	515.692.711.364
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	77.746.902.280	(*)	332.268.602.778	(*)
▪ Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.048.730.000	(*)	1.048.730.000	(*)
▪ Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.976.317.856	(*)	1.769.118.988	(*)
▪ Các khoản phải thu khác	1.034.269.723.827	(*)	1.110.993.729.646	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	(*)	18.144.000.003	(*)
▪ Tài sản tài chính khác	878.655.131	(*)	561.206.200	(*)



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</b>				
▪ Chứng khoán niêm yết	123.910.403.360	82.408.291.500	129.824.970.624	87.526.633.200
▪ Chứng khoán chưa niêm yết	6.084.112.500	(*)	6.084.112.500	(*)
<b>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</b>				
▪ Nợ ngắn hạn	(13.000.000.000)	(*)	(228.000.000.000)	(*)
▪ Phải trả người bán	(240.821.373)	(*)	(291.543.700)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(2.502.688.832)	(*)	(4.055.045.966)	(*)
▪ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(7.325.697.886)	(*)	(234.071.140.225)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(150.167.458.915)	(*)	(75.430.686.539)	(*)
▪ Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	(6.363.980.935)	(*)	(3.247.966.557)	(*)

**(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

*Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại niêm yết*

Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**32. Các cam kết**

***Cam kết thuê***

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	4.554.272.900	4.948.992.900
Từ hai đến năm năm	16.265.091.600	16.295.091.600
Trên năm năm	15.587.379.450	17.620.515.900
	<hr/>	<hr/>
	36.406.743.950	38.864.600.400
	<hr/>	<hr/>

**33. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ**

Các hoạt động của Tập đoàn không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

**(a) Thuế**

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất là 22% đối với lợi nhuận trước thuế giữa niên độ.

**(b) Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Theo quy định, Công ty và công ty con phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc hàng năm. Do đó, Công ty và công ty con không trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trên cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**(c) Thưởng cho nhân viên**

Tập đoàn chưa ghi nhận các khoản tiền thưởng cuối năm vì khoản tiền thưởng này không thể ước tính một cách đáng tin cậy tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang  
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trịnh Thanh Cần  
Tổng Giám đốc

